**UBND THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU**

 **TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Tỉnh nào dưới đây của vùng Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển?

A. Bình Dương. B. Đồng Nai. C. Tây Ninh. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Câu 2.** Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm dân cư và xã hội vùng Đông Nam Bộ?

A. Thị trường tiêu nhỏ. B. Dân cư đông đúc.

C. Nguồn lao động dồi dào. D. Lao động có trình độ cao.

**Câu 3.** Đặc điểm nổi bật về vị trí của Đồng bằng Sông Cửu Long là

A. hai mặt giáp vùng biển rộng. B. toàn bộ diện tích là đồng bằng.

C. nằm ở cực Nam của tổ quốc. D. diện tích rộng lớn nhất cả nước.

**Câu 4.** Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Cần Thơ. B. Long An. C. Cà Mau. D. Bình Phước.

**Câu 5.** Chọn đáp án đúng/sai.

Cho thông tin sau: Vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với nước láng giềng Cam-pu-chia; giáp Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long. Năm 2021, vùng Đông Nam Bộ có diện tích khoảng 23,6 nghìn km2, số dân hơn 18,3 triệu người. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của vùng là 0,98%. Đông Nam Bộ là vùng có tỉ lệ dân thành thị đạt 66,4%, là nơi cư trú của nhiều thành phần dân tộc như Kinh, Chăm, Hoa, Khơ-me,...

a. Vùng có tỉ lệ dân thành thị cao nhất nước ta.

b. Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta.

c. Đông Nam Bộ có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất cả nước nguyên nhân là do gia tăng tự nhiên.

d. Vị trí địa lí thuận lợi cho vùng phát triển kinh tế, đẩy mạnh liên kết kinh tế với các vùng kinh tế khác, mở rộng giao thương quốc tế.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu sau:

**Diện tích, sản lượng lúa của**

**Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Diện tích *(nghìn ha)* | Sản lượng *(nghìn tấn)* |
| Cả nước | 7109,0 | 42660,7 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3802,6 | 23536,3 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)*

a. Hãy cho biết năm 2022, sản lượng lúa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long chiếm tỉ trọng bao nhiêu % so với cả nước? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

b. Hãy cho biết năm 2022, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có năng suất lúa đạt bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang Tây Nguyên cho biết, loại khoáng sản nào sau đây giàu trữ lượng nhất ở vùng Tây Nguyên

 A. Bô-xít. B. Kẽm. C. Than đá. D. Vàng.

**Câu 8.**  Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang Tây Nguyên cho biết, nông sản nổi tiếng ở Buôn Ma Thuột và Đà Lạt là

 A. Hồ tiêu, bông và thuốc lá. B. Cà phê và hoa, rau quả ôn đới.

 C. Chè, điều và mía.   D. Cao su và hoa, quả nhiệt đới.

**Câu 9.** Thành phố có mật độ dân số 4375 người/km2 (năm 2021) thuộc loại cao nhất vùng Đông Nam Bộ và cao nhất cả nước là

 A. Biên Hoà. B. Đà Nẵng.

 C. Hà Nội. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang Đồng bằng Sông Cửu Long cho biết, tỉnh duy nhất ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long vừa có đường biên giới vừa có đường bờ biển là

 A. Cà Mau.   B. Kiên Giang.      C. An Giang. D. Bến Tre.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang Đồng bằng Sông Cửu Long cho biết, vùng đồng bằng Sông Cửu Long giáp với vùng nào dưới đây?

 A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

 C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 12**. Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang Đồng bằng Sông Cửu Long cho biết, “quần đảo nào sau đây **không thuộc** vùng Đồng bằng Sông Cửu Long?

 A. Nam Du. B. An Thới. C. Hoàng Sa. D. Hà Tiên.

**Câu 13.** Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang Đồng bằng Sông Cửu Long cho biết, tỉnh nằm ở cực Nam vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là

A. Cà Mau.   B. Long An.      C. An Giang. D. Bến Tre.

**II. PHẦN TỰ LUẬN.**

**Câu 1:** Dựa vào kiến thức đã học, em hãy

a. Phân tích thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đới với hoạt động sản xuất lương thực, thực phẩm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

b. Đề xuất một số giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

**Câu 2: C**ho bảng số liệu

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

GIAI ĐOẠN 1999 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1999** | **2009** | **2019** | **2021** |
| Số dân thành thị (triệu người) | 5,6 | 8,1 | 11,6 | 12,1 |
| Tỉ lệ dân thành thị (%) | 55,4 | 57,4 | 64,8 | 66,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2000, 2010, 2022)*

Dựa vào bảng số liệu trên, em hãy vẽ biểu đồ thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 1999 - 2021.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang Đồng bằng Sông Cửu Long và bảng số liệu dưới đây:

*Bảng 21.3. Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng, khai thác ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010- 2021( Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Nuôi trồng | 1.98 | 2.47 | 3.41 |
| Khai thác | 1.01 | 1.23 | 1.51 |

Em hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản của vùng?

**Câu 4:** Em hãy phân tích các thế mạnh về tài nguyên rừng, biển- đảo trong phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ?

**Câu 5:** Em hãy phân tích ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ?